Phụ lục I

CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA KẾ HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 28/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
I	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG**				
1	Tỷ lệ người dân được phủ sóng 5G trên địa bàn xã	%	≥ 70	Phòng Văn hóa – Xã hội	
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	%	≥ 65	Phòng Văn hóa – Xã hội	
3	Cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu phục vụ giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	
4	Lãnh đạo và cán bộ chuyên môn được cấp chữ ký số cá nhân phục vụ nhu cầu giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	
5	Duy trì kết nối ổn định các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh	Duy trì	Hoạt động ổn định	Các cơ quan sử dụng phần mềm, hệ thống thông tin	
6	Duy trì hoạt động ổn định của Trang thông tin điện tử xã	Trang TTĐT	Hoạt động ổn định	Văn phòng HĐND và UBND xã	
II	**PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC**				
7	Tổng chi ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	%	≥ 1,5	Phòng Kinh tế	
8	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	% GRDP	≥ 2,2	Phòng Kinh tế	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
9	Tỷ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CĐS trong GRDP	% GRDP	≥ 6	Phòng Kinh tế	
10	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	
11	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	≥ 90	Phòng Văn hóa - Xã hội	
12	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu	%	≥50	Phòng Văn hóa - Xã hội	
13	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	≥ 90	Phòng Văn hóa - Xã hội	
14	Tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước	%	≥ 6	Phòng Văn hóa - Xã hội	
15	Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các khâu có tần suất lớn, rủi ro cao của công vụ (tiếp nhận, phân luồng hồ sơ; đối soát thành phần hồ sơ; kiểm tra tính hợp lệ; tổng hợp báo cáo; cảnh báo sai lệch dữ liệu), bảo đảm có cơ chế kiểm soát, lưu vết và trách nhiệm giải trình; phấn đấu nâng năng suất xử lý và giảm sai sót nghiệp vụ, rủi ro tuân thủ.	Ứng dụng	Ứng dụng	Các cơ quan, đơn vị liên quan	
16	Bố trí cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số bảo đảm phù hợp, đáp ứng nhu cầu		Đáp ứng	Phòng Văn hóa - Xã hội	
III	**PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ**				
17	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số	%	≥ 80	Trung tâm Phục vụ hành	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
	thủ tục hành chính đủ điều kiện			chính công	
18	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp xã	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
19	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính của cấp xã	%	≥ 80	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
20	Tỷ lệ số hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	%	≥ 90	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
21	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã	%	≥ 95	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
22	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa	%	≥ 95	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
23	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp xã	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
24	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
25	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	%	≥ 80	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
26	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	75	Trung tâm Phục vụ hành chính công	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
27	Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	≥ 95	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
28	Tỷ lệ kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống họp trực tuyến…) của khối UBND	%	100	Văn phòng HĐND và UBND	
29	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc	%	100	Văn phòng HĐND và UBND	
30	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	100	Phòng Kinh tế	
31	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử cấp xã	%	≥70	Văn phòng HĐND và UBND	
32	Tỷ lệ hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hoá tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội; Văn phòng HĐND và UBND xã	
33	Tỷ lệ người dân từ đủ 14 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	≥ 80	Công an xã	
34	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	≥ 18	Phòng Kinh tế	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
35	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	≥ 8	Phòng Kinh tế	
IV	**DỮ LIỆU SỐ**				
36	Thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được số hoá và thực hiện trên môi trường số	%	70	Phòng Văn hóa - Xã hội	
37	Tỷ lệ văn bản điện tử có độ mật, tối mật được gửi, nhận, lưu trữ và xử lý qua hệ thống thông tin có sử dụng giải pháp bảo mật của ngành Cơ yếu theo đúng quy định	%	100	Văn phòng HĐND và UBND	